



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

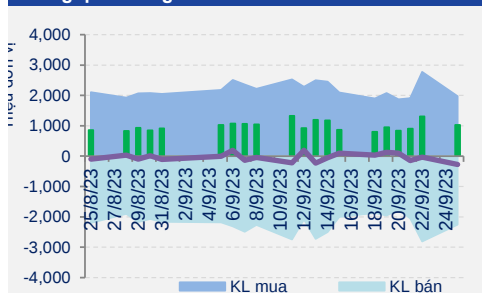
25/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

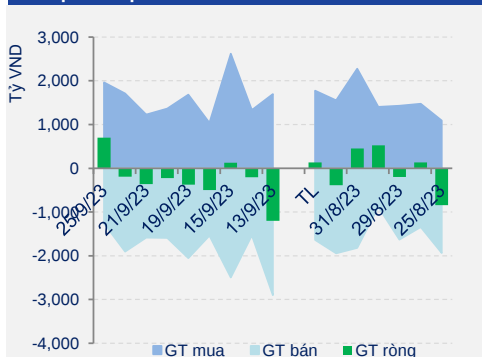
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,153.20	231.50
% Thay đổi	↓ -3.34%	↓ -4.79%
KLGD (CP)	1,029,110,811	152,460,701
GTGD (tỷ đồng)	23,495.66	2,710.35
Tổng cung (CP)	2,252,101,608	190,404,300
Tổng cầu (CP)	1,977,643,160	141,656,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,560,822	592,752
KL mua (CP)	52,865,011	1,256,080
GT mua (tỷ đồng)	1,962.73	31.94
GT bán (tỷ đồng)	1,260.81	15.17
GT ròng (tỷ đồng)	701.92	16.77

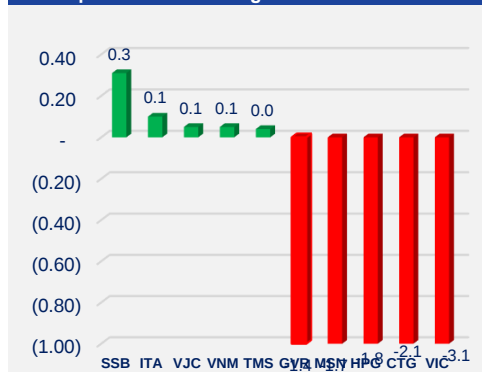
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau khi giảm mạnh mất vùng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm với khối lượng giao dịch đột biến ở phiên cuối tuần trước, VN-INDEX đã phục hồi nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản thấp, sau đó áp lực bán gia tăng mạnh đột biến trong phiên chiều. Dẫn đến VN-INDEX giảm mạnh 39,85 điểm (-3,34%), kết phiên ở mức 1.153,20 điểm với thanh khoản duy trì ở mức cao. HNX-INDEX giảm mạnh 11,65 điểm (-4,79%) về 231,50 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết rất tiêu cực với áp lực bán tăng mạnh khi có tổng cộng 660 mã giảm giá, số lượng mã giảm hết biên độ rất đột biến với (158 mã giảm sàn), 90 mã tăng giá (10 mã tăng trần), và 58 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 26.206,01 tỷ đồng, giảm so với áp lực bán đột biến phiên trước, tuy nhiên vẫn ở mức cao, trên mức trung bình, thể hiện áp lực bán vẫn gia tăng mạnh, khá đột biến ở nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều tuần bán ròng mạnh liên tiếp, đã mua ròng khá mạnh trong phiên hôm nay với giá trị 701,92 tỷ đồng, trong đó mua ròng trở lại nhóm cổ phiếu thép; mua ròng trên HNX với giá trị 16,77 tỷ đồng.

Sau khi kết thúc cuộc họp kéo dài 2 ngày, Ngân hàng Nhật Bản (BOJ) ấn định lãi suất ngắn hạn ở mức âm 0,1% và lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm ở mức 0%. Trong nước thị trường đón nhận khá nhiều thông tin kém tích cực như NHNN tiếp tục phát hành tín phiếu, lợi tức trái phiếu Chính Phủ các kỳ hạn tăng, mức lợi tức kỳ hạn 10 năm đã vượt lên cao đỉnh lợi tức gần nhất, thông tin một số công ty chứng khoán giảm tỉ lệ vay margin, cộng với áp lực tỉ giá đang tăng khi giá trị đồng Đô la tăng giá đã ảnh hưởng đến tâm lý thị trường.

Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm mạnh, trong đó các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục có diễn biến kém tích cực nhất khi hầu hết giảm mạnh hết biên độ, thanh khoản trên mức trung bình với MBS (-9,63%), PSI (-9,52%), WSS (-9,09%), BVS (-7,46%), FTS (-6,97%)....

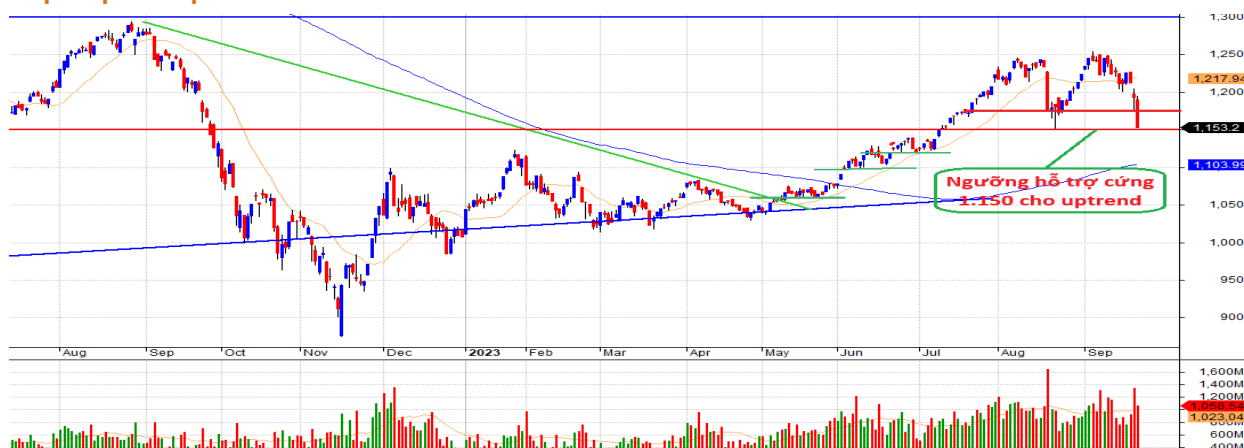
Nhóm cổ phiếu bất động sản ngoại trừ NTL (+4,40%) thì hầu hết chịu áp lực bán gia tăng, nhiều mã giảm hết biên độ với thanh khoản trên mức trung bình như L14 (-9,86%), CEO (-9,62%), VIC (-7,00%), DXG (-6,99%), HDG (-6,98%)... Các cổ phiếu khu công nghiệp, cao su có diễn biến khá tích cực đầu phiên, nhưng cuối phiên đa số cũng giảm mạnh như DTD (-9,82%), SZC (-6,99%), VGC (-6,94%), PHR (-6,86%), GVR (-6,86%), KBC (-6,76%)....

Các cổ phiếu nhóm dầu khí cũng có diễn biến tương tự khi kết phiên đa số giảm mạnh, nhiều mã giảm hết biên độ với thanh khoản gia tăng với PVC (-9,95%), CNG (-6,97%), PVG (-6,93%), PVT (-6,89%)... thủy sản như ANV (-6,93%), VHC (-6,92%), CMX (-6,84%), ACL (-6,84%)... nông nghiệp, chăn nuôi với TAR (-9,94%), LTG (-3,94%), HAG (-6,94%), DBC (-6,93%), LSS (-6,69%), QNS (-3,0%)....

Các cổ phiếu nhóm ngân hàng cũng có diễn biến kém tích cực, giảm mạnh với thanh khoản vượt mức trung bình như EIB (-6,89%), SHB (-6,78%), MSB (-6,25%), VIB (-6,16%), CTG (-5,85%), LPB (-5,56%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm mạnh 30,1 điểm (-2,52%), mức chênh lệch dương 2,56 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 27,29% so với phiên trước, cho thấy lực bán trong phiên giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ 5,06 điểm đến -1,94 điểm. Trong đó kỳ hạn lớn hơn VN30F2311 cao hơn kỳ hạn VN302310, cho thấy các trader nghiêng về khả năng hồi phục ngắn hạn của VN30 trong những phiên đến.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Xu hướng điều chỉnh của thị trường tiếp tục diễn ra trong phiên đầu tuần, chốt phiên VnIndex giảm -39,85 điểm (-3,34%) và đóng cửa ở 1.153,20 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang trong nhịp điều chỉnh thứ 2 sau khi Vn-Index chạm ngưỡng kháng cự ngắn hạn 1.250 điểm, nhịp điều chỉnh này đang mạnh hơn so với dự kiến khiến cho VnIndex đánh mất toàn bộ các hỗ trợ tại 1.200 điểm, 1.175 điểm và hôm nay chạm tới hỗ trợ mạnh của uptrend tại ngưỡng 1.150 điểm. Động lực trong ngắn hạn của thị trường đã bị suy giảm mạnh, do đó nếu nhịp hồi phục diễn ra trong thời gian tới sẽ chỉ mang tính hồi phục kỹ thuật nhiều hơn.

Về góc nhìn trung hạn, với việc VnIndex giảm về khu vực 1.150 khiến xu hướng uptrend của thị trường bị đe dọa. Với trạng thái hiện tại, nếu Vn-Index không ngừng đà giảm và có nhịp hồi phục sớm thì rủi ro xu hướng tăng điểm trung hạn uptrend sẽ thất bại và thị trường sẽ cần thêm rất nhiều thời gian để hình thành nền tích lũy mới trước khi có xu hướng tích cực tiếp theo. Trong trường hợp thị trường có nhịp hồi phục thì cũng vẫn cần nhiều thời gian để mức độ biến động giảm dần và hình hành nền tích lũy chặt chẽ trở lại. Do đó, xét về tổng thể xu hướng tích cực trung - dài hạn đang bị chứng lại và sẽ cần thêm nhiều thời gian để hình thành nền tảng tích lũy mới, việc VnIndex hồi phục sớm chỉ mang tính chất duy trì xu hướng uptrend mà không đòi hỏi phải tạo nền tích lũy quá dài.

Tình hình vĩ mô tổng nước mặc dù ổn định nhưng chưa có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn còn. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... và với việc giá năng lượng đang có xu hướng tăng mạnh trở lại khi mùa đông đến gần cũng tạo thêm nguy cơ lạm phát tiếp tục tăng trở lại..

Thị trường chưa kết thúc điều chỉnh và hình thành rủi ro kết thúc uptrend trung hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn tranh thủ nhịp hồi phục kỹ thuật để giảm tỷ trọng xuống mức an toàn. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và theo dõi diễn biến thị trường, kiên nhẫn chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

25/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	46.50	43-45	55-57	41	11.7	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.80	11.5-13	15.5-16	12	4.4	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	47.50	46-48	57-59	43	7.3	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.16	19.5-21	25.5-26	18	13.3	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	24.80	24-25.6	29-30	22	9.6	1.2%	415.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	19.70	18.5-20	24-25	17.5	19.0	-21.8%	2.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VHM	47.00	43.5-46	61-63	41	4.5	634.5%	1348.3%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	63.9	51.8	73-74	66	23.4%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	31.7	28.05	36.5-37.7	34	13.0%	Bán
2/8/23	VNM	77.6	72.95	87-89	78	6.4%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	29.8	30.6	35-37	32	-2.6%	Bán

**TIN VĨ MÔ****Những dấu hiệu cho thấy NHNN sẽ tiếp tục hút tiền qua tín phiếu**

Giới phân tích dự báo NHNN sẽ tiếp tục hút bớt thanh khoản thị trường 2 để giảm áp lực đầu cơ tỷ giá của các NHTM trong ngắn hạn, lượng hút là vừa đủ để cân bằng tỷ giá và không gây ra căng thẳng thanh khoản trên liên ngân hàng. Tuần qua ghi nhận một diễn biến đáng chú ý trên thị trường tiền tệ khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã mở lại kênh hút tiền qua kênh tín phiếu sau hơn 6 tháng tạm dừng.

Theo đó, trong phiên 21/9, Nhà điều hành đã chào thầu thành công gần 10.000 tỷ đồng tín phiếu cho 2 thành viên thị trường với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 0,69%. Đến phiên 22/9, NHNN tiếp tục phát hành thành công 10.000 tỷ đồng tín phiếu 28 ngày, song số lượng thành viên trúng thầu đã tăng lên 5 và lãi suất trúng thầu giảm xuống còn 0,5%.

Đồng yên có nguy cơ giảm quá mức 150 yên/USD vì Nhật Bản giữ chính sách tiền tệ siêu lỏng lẻo

Đồng yên Nhật Bản sáng nay (25/9) giảm về gần mức chủ chốt 150 yên đổi 1 USD, khiến thị trường gia tăng đồn đoán rằng Chính phủ nước này sắp có một động thái can thiệp để bảo vệ tỷ giá đồng nội tệ. Sức ép mất giá đối với yên đã gia tăng kể từ hôm thứ Sáu tuần trước, sau khi Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) đẩy lui kỳ vọng về một sự dịch chuyển sớm khỏi chính sách tiền tệ siêu lỏng lẻo.

Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 242 tỷ USD, nông nghiệp tiếp tục thể hiện vai trò “trụ đỡ”

Theo số liệu mới nhất vừa được Tổng cục Hải quan công bố, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 9 (từ 1-15/9) đạt 14,29 tỷ USD, giảm 21,6% (tương ứng giảm 3,94 tỷ USD) so với kỳ 2 tháng 8/2023. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, tính chung 8 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 59,69 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu 33,21 tỷ USD, nhập khẩu 26,48 tỷ USD, xuất siêu 6,73 tỷ USD, tăng 6,4%.

UOB duy trì dự báo tăng trưởng GDP 5.2% cho năm 2023 và 6% năm 2024

Trong báo cáo, UOB đánh giá động lực tăng trưởng vẫn chậm trong quý 3/2023. Xét về kết quả hoạt động của từng ngành, ngành sản xuất (bao gồm cả xây dựng), chiếm tỷ trọng khoảng 34% trong nền kinh tế, đã đạt được mức tăng trưởng khoảng 1.1% so với cùng kỳ trong quý 2/2023 với đóng góp tích cực trong nửa đầu năm 2023, sau khi bước vào giai đoạn suy giảm đầu tiên kể từ quý 3/2021. Trong khi đó, lĩnh vực dịch vụ (chiếm tỷ trọng 43%) đã khắc phục được một số điểm yếu từ khu vực bên ngoài, và đạt được mức tăng 6.1% so với cùng kỳ trong quý 2/2023, sau mức tăng 6.6% so với cùng kỳ trong quý 1/2023. Lĩnh vực dịch vụ đóng góp 2.7 điểm phần trăm, tương đương hơn 60% mức tăng trưởng chung trong nửa đầu năm 2023.

**TIN DOANH NGHIỆP****Bột giặt NET chia cổ tức 2022 với tỷ lệ 35%**

CTCP Bột giặt NET (HNX: NET) thông báo sẽ chia cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 35% (1 cp được nhận 3,500 đồng). Đây là năm có mức chia cổ tức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây của doanh nghiệp này. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 09/10/2023. Với hơn 22 triệu cp đang lưu hành, NET cần chi hơn 78 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Ngày thanh toán dự kiến là 19/10/2023. Hai cổ đông lớn của Công ty là Công ty TNHH Masan HPC (52.25%) và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (36%) sẽ được nhận lần lượt gần 41 tỷ đồng và hơn 28 tỷ đồng cổ tức từ NET.

Đất Xanh bị bán giải chấp cổ phiếu DXS lần 2 trong tháng 9

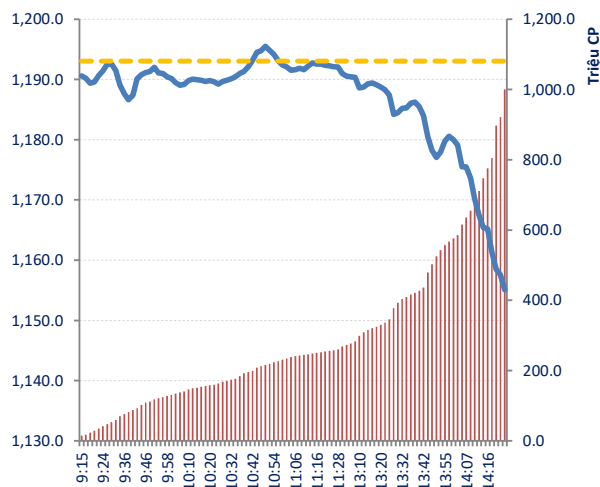
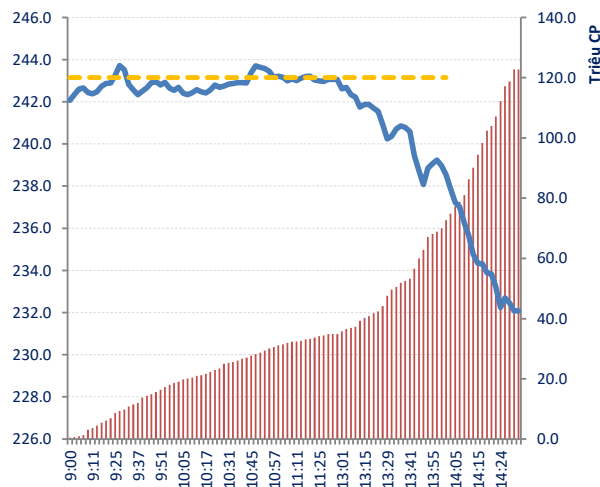
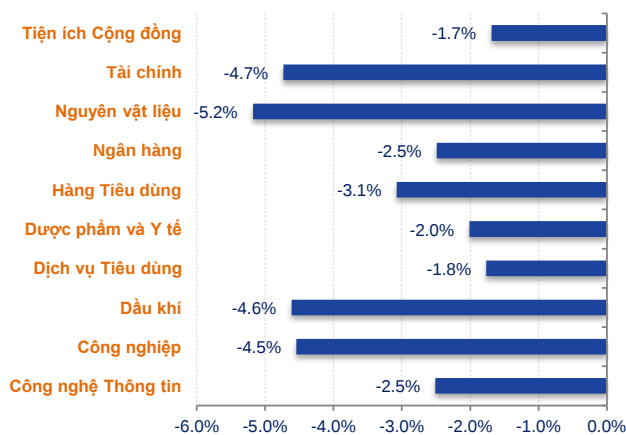
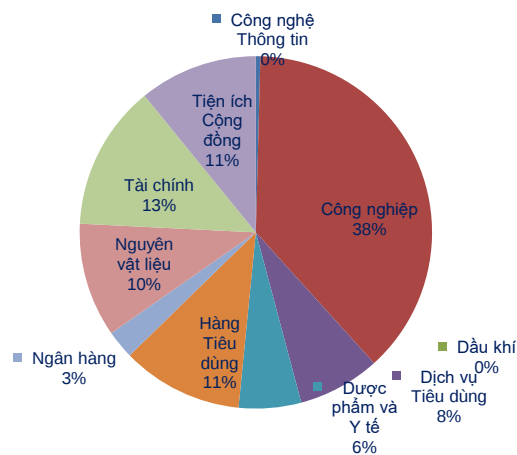
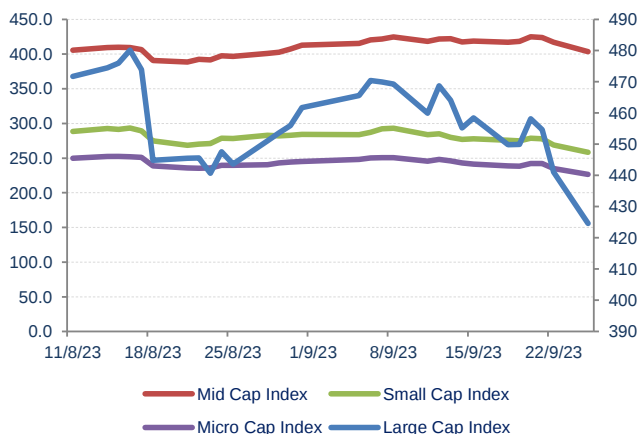
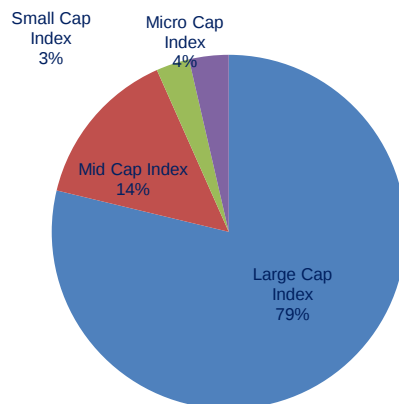
CTCP Tập đoàn Đất Xanh (HOSE: DXG) tiếp tục bị công ty chứng khoán bán giải chấp gần 1 triệu cp của CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (HOSE: DXS) - công ty con của DXG - trong ngày 13/09/2023. Cụ thể, DXG bị bán giải chấp 982,800 cp DXS, hạ tỷ lệ sở hữu tại DXS từ 56.07% (hơn 254 triệu cp) xuống còn 55.85% (hơn 253 triệu cp). Chiếu theo giá DXS kết phiên 13/09 là 11,100 đồng/cp, ước tính giao dịch có giá trị hơn 10.9 tỷ đồng. Đây là lần thứ 2 trong tháng 9, DXG bị bán giải chấp cổ phiếu DXS. Trước đó, vào ngày 05/09, DXG bị Công ty chứng khoán Shinhan Việt Nam bán hơn 953 ngàn cp DXS, tương ứng giá trị gần 11 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tại DXS của DXG giảm từ 56.28% (255 triệu cp) xuống còn 56.07%

Cà phê Thuận An lần đầu chia cổ tức tỷ lệ 12.8% bằng tiền

CTCP Cà phê Thuận An (UPCoM: TAN) sẽ trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 12.8%. Đây là năm đầu tiên TAN trả cổ tức cho cổ đông kể từ khi giao dịch trên UPCoM năm 2019 đến nay. Với tỷ lệ thực hiện 12.8% (sở hữu 1 cp được nhận 1,280 đồng) và hơn 1.6 triệu cp đang lưu hành, TAN cần chi hơn 2 tỷ đồng để hoàn tất đợt trả cổ tức này. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/09. Ngày thanh toán dự kiến vào 13/10/2023.

MWG đạt gần 10.000 tỷ đồng doanh thu trong tháng 8, ghi nhận tháng thứ 2 tăng liên tiếp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (Mã: MWG) vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm 2023 với doanh thu thuần đạt 76.455 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm ngoái, tương đương 57% kế hoạch năm. Như vậy, tính riêng tháng 8, doanh nghiệp này mang về 9.965 tỷ đồng doanh thu, giảm 4,3% so với tháng 8/2022 nhưng tăng 1,6% so với tháng 7 trước đó. Đây cũng là mức giảm thấp nhất so với cùng kỳ năm ngoái về doanh thu của MWG kể từ đầu năm và tạo ra một xu hướng tăng lên của doanh thu theo tháng - ngược chiều với biến động doanh thu đi xuống của cùng kỳ năm ngoái.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,143,403	LPB	992,137	1	TNG	211,860	NVB	77,200
2	SSI	3,246,673	PVT	832,704	2	PVS	205,441	PVI	67,700
3	VHM	1,748,333	STB	829,759	3	IDC	125,423	APS	23,800
4	MWG	1,105,900	GVR	629,600	4	CET	74,900	SHS	22,573
5	HDG	1,040,722	NVL	622,472	5	TIG	59,800	VCS	12,959

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
BBC	57.00	57.00	→ 0.00%	536,870,912	SHS	17.80	16.10	↓ -9.55%	38,692,472
SHB	11.80	11.00	↓ -6.78%	63,511,722	NVB	13.80	13.00	↓ -5.80%	18,852,689
SSI	32.60	30.35	↓ -6.90%	43,118,605	CEO	23.90	21.60	↓ -9.62%	12,234,822
VND	22.55	21.00	↓ -6.87%	38,976,210	HUT	23.00	20.70	↓ -10.00%	8,396,504
VIX	17.75	16.55	↓ -6.76%	38,592,210	PVS	37.30	35.60	↓ -4.56%	7,209,775

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRF	9.29	9.94	0.65	↑ 7.00%	V21	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
HRC	45.60	48.75	3.15	↑ 6.91%	SPI	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
ITA	5.50	5.88	0.38	↑ 6.91%	VCC	11.30	12.40	1.10	↑ 9.73%
L10	18.40	19.65	1.25	↑ 6.79%	HJS	36.00	39.50	3.50	↑ 9.72%
DLG	2.57	2.74	0.17	↑ 6.61%	PIC	13.40	14.70	1.30	↑ 9.70%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AAA	10.30	9.58	-0.72	↓ -6.99%	SDU	40.00	36.00	-4.00	↓ -10.00%
DXS	10.30	9.58	-0.72	↓ -6.99%	EVS	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
FCN	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%	LDP	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
HT1	14.30	13.30	-1.00	↓ -6.99%	IPA	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
SGR	22.15	20.60	-1.55	↓ -7.00%	IDJ	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
BBC	536,870,912	4.6%	3,271	17.4	0.8
SHB	63,511,722	17.7%	2,183	5.4	0.9
SSI	43,118,605	7.3%	1,093	29.8	2.2
VND	38,976,210	3.9%	467	48.3	1.8
VIX	38,592,210	7.0%	839	21.2	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	38,692,472	4.3%	507	35.1	1.5
NVB	18,852,689	-0.1%	(12)	-	1.3
CEO	12,234,822	7.7%	941	25.4	1.9
HUT	8,396,504	1.3%	132	174.2	5.3
PVS	7,209,775	7.2%	1,953	19.1	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SRF	↑ 7.0%	-30.5%	(4,213)	-	0.7
HRC	↑ 6.9%	1.8%	327	139.5	2.5
ITA	↑ 6.9%	-2.6%	(288)	-	0.5
L10	↑ 6.8%	6.8%	1,771	10.4	0.7
DLG	↑ 6.6%	-35.6%	(1,666)	-	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
V21	↑ 10.0%	-0.2%	(15)	-	0.6
SPI	↑ 10.0%	-4.7%	(451)	-	0.4
VCC	↑ 9.7%	7.4%	910	13.8	1.0
HJS	↑ 9.7%	14.0%	2,119	17.0	2.5
PIC	↑ 9.7%	10.9%	1,199	11.2	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,143,403	-2.0%	(328)	-	1.6
SSI	3,246,673	7.3%	1,093	29.8	2.2
VHM	1,748,333	29.1%	10,341	4.6	1.2
MWG	1,105,900	6.6%	1,069	48.7	3.3
HDG	1,040,722	12.4%	2,739	10.7	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	211,860	15.5%	2,372	9.3	1.5
PVS	205,441	7.2%	1,953	19.1	1.4
IDC	125,423	20.7%	3,969	12.4	2.6
CET	74,900	1.6%	181	46.5	0.8
TIG	59,800	7.6%	1,091	10.3	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	499,106	23.0%	5,797	15.4	3.3
BID	232,945	19.0%	4,025	11.4	2.0
VHM	209,010	29.1%	10,341	4.6	1.2
VIC	190,697	3.9%	1,395	35.8	1.4
GAS	173,978	20.3%	6,680	13.6	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,528	1.3%	132	174.2	5.3
PVS	17,828	7.2%	1,953	19.1	1.4
IDC	16,203	20.7%	3,969	12.4	2.6
SHS	14,474	4.3%	507	35.1	1.5
THD	13,706	2.9%	458	77.7	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.09	-0.4%	(63)	-	0.8
AGM	3.99	-50.2%	(10,382)	-	0.5
LDG	3.29	-5.5%	(693)	-	0.4
HPX	3.29	4.6%	540	10.1	0.5
DXS	3.05	-0.4%	(82)	-	0.6

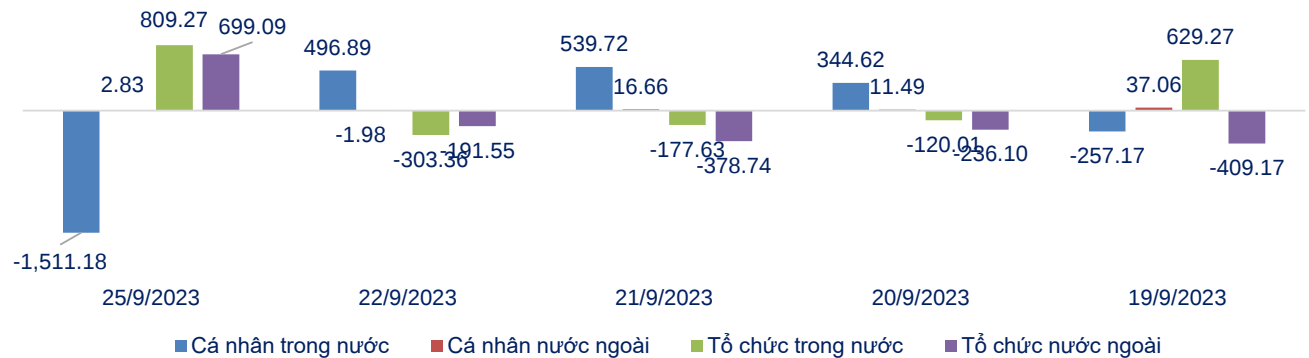
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	3.40	3.9%	562	21.9	0.8
VC7	2.78	2.4%	261	97.3	2.3
L14	2.55	12.8%	1,653	29.5	3.6
AAV	2.48	-1.4%	(169)	-	0.5
IDJ	2.44	5.8%	656	10.7	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	70.98	1.6%	385	57.4	0.9
NVL	31.05	-1.3%	(295)	-	0.8
VND	26.22	3.9%	467	48.3	1.8
MSB	24.38	17.5%	2,414	6.0	1.0
PVT	24.25	12.0%	2,993	9.5	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-196.33	-2.0%	(328)	-	1.6
SSI	-149.54	7.3%	1,093	29.8	2.2
MWG	-141.44	6.6%	1,069	48.7	3.3
VHM	-104.96	29.1%	10,341	4.6	1.2
VCB	-102.02	23.0%	5,797	15.4	3.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	7.24	7.3%	1,093	29.8	2.2
SKG	3.19	8.9%	1,217	13.7	1.2
VIC	2.32	3.9%	1,395	35.8	1.4
HTN	2.15	-1.0%	(175)	-	1.1
HDB	1.74	20.3%	2,765	6.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-9.38	23.9%	3,937	19.7	4.4
HPG	-6.09	-2.0%	(328)	-	1.6
DXG	-3.16	-1.4%	(317)	-	0.9
CTG	-2.44	15.8%	3,664	8.6	1.3
DIG	-1.24	1.2%	152	168.1	2.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	106.78	17.2%	3,601	9.1	1.5
HPG	89.71	-2.0%	(328)	-	1.6
MWG	84.78	6.6%	1,069	48.7	3.3
MBB	69.19	22.3%	3,496	5.3	1.1
FPT	55.99	22.1%	4,596	21.0	4.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-82.49	1.6%	385	57.4	0.9
VND	-24.95	3.9%	467	48.3	1.8
MSB	-23.75	17.5%	2,414	6.0	1.0
VRE	-23.04	10.6%	1,588	17.3	1.8
NVL	-20.51	-1.3%	(295)	-	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	112.70	-2.0%	(328)	-	1.6
SSI	95.10	7.3%	1,093	29.8	2.2
VHM	82.15	29.1%	10,341	4.6	1.2
VNM	79.02	23.9%	3,937	19.7	4.4
VCB	60.34	23.0%	5,797	15.4	3.3

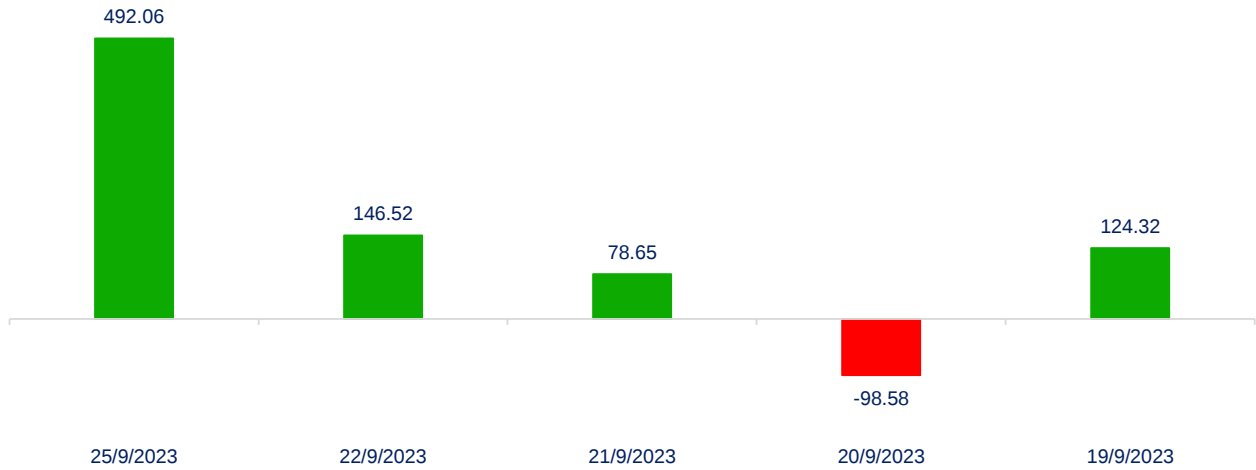
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-33.62	3.6%	920	82.0	2.9
STB	-26.60	17.2%	3,601	9.1	1.5
PVT	-23.08	12.0%	2,993	9.5	1.1
DGC	-21.15	36.6%	10,780	9.1	3.2
NLG	-19.28	4.4%	1,492	24.3	1.1

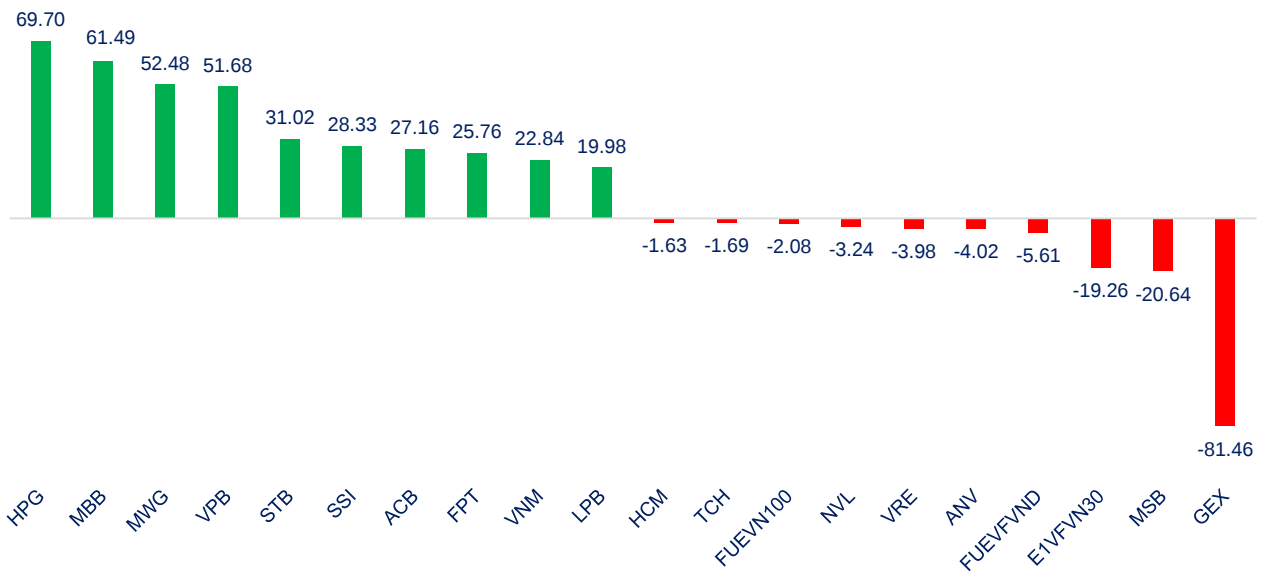


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn